TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/KDTM-PT
Ngày: 03/08/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng thiết kế chế tạo bánh xe công tác.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đình Phương

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hiền

Ông Nguyễn Trung Tín

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa: Bà Đào Thị Ngọc Thuận - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 07 và ngày 03 tháng 08 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 05/2023/TLPT-KDTM ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng thiết kế chế tạo bánh xe công tác"*.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐ-PT ngày 22/06/2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần khai thác thủy điện S (gọi tắt Công ty S).

Địa chỉ: phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh Vinh - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Lê Văn T, sinh năm 1966. Địa chỉ: phường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (theo Giấy ủy quyền ngày 12/8/2022). Có mặt.

2. Ông Võ Anh M– Phó tổng giám đốc. Địa chỉ: phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (theo giấy ủy quyền số 2807/2023/GUQ-ESG ngày 28/7/2023. Có mặt.

* *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn thiết kế chế tạo Q (gọi tắt Công ty Q).

Địa chỉ: xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn Th - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn A, sinh năm 1992, địa chỉ: phường K, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 14/02/2022). Có mặt.

* *Người kháng cáo*: Bị đơn Công ty TNHH thiết kế chế tạo Q

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn Công ty cổ phần khai thác thủy điện S và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Văn T trình bày:*

Ngày 02/3/2019, Công ty cổ phần khai thác thủy điện S (viết tắt là Công ty S) và Công ty trách nhiệm hữu hạn thiết kế chế tạo Q (viết tắt là Công ty Q) đã ký "Hợp đồng thiết kế chế tạo bánh xe công tác" số 290119 (viết tắt là Hợp đồng) với nội dung như sau:

- Công ty Q đồng ý nhận thiết kế và chế tạo bánh xe công tác của tổ máy H1 cho nhà máy thủy điện S 2 bao gồm các chi tiết công việc:

+ Hạng mục 1: Khảo sát, tư vấn thiết kế và phân tích độ bền cơ cấu có giá trị là 60.000.000 đồng.

+ Hạng mục 2: Gia công chế tạo thân và cánh bánh xe công tác (1 thân và 22 cánh) có giá trị là 3.560.000.000 đồng.

+ Hạng mục 3: Vận chuyển và lắp đặt có giá trị 30.000.000 đồng.

Tổng giá trị hợp đồng là 4.015.000.000 đồng.

- Địa điểm giao hàng: Nhà máy thủy điện S 2, xã Khánh Trung, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

- Thời gian giao hàng: 30 ngày đối với Hạng mục 1, 70 ngày đối với hạng mục 2, 07 ngày đối với Hạng mục 3. Tổng cộng là 107 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi hoàn tất bàn giao (không kể chủ nhật và ngày lễ).

- Công ty S thanh toán cho Công ty Q thành 3 đợt:

+ Đợt 1: Tạm ứng 60% giá trị hợp đồng trong vòng 7 ngày kể từ khi hai bên ký hợp đồng và Công ty Q có hồ sơ thiết kế được Công ty S chấp nhận.

+ Đợt 2: Thanh toán 30% giá trị hợp đồng trong vòng 7 ngày kể từ khi hai bên nghiệm thu và bàn giao sản phẩm.

+ Đợt 3: Thanh toán 10% giá trị hợp đồng trong vòng 7 ngày kể từ khi hết thời hạn bảo hành.

Đồng thời, để bảo đảm việc thực hiện hợp đồng thì sau khi ký hợp đồng, Công ty Q phải mở cho người thụ hưởng là Công ty S bảo lãnh tạm ứng có giá trị bằng 60% tổng giá trị hợp đồng do một ngân hàng thuộc hệ thống ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành. Trường hợp Công ty Q vi phạm tiến độ hợp đồng sẽ phải chịu phạt vi phạm 8% giá trị hợp đồng.

Các bên tiến hành hợp đồng, sau khi Công ty S thông qua hồ sơ thiết kế gồm dữ liệu thiết kế, bản vẽ 2D, 3D, thông số kỹ thuật ...đã thanh toán số tiền tạm ứng là 60% giá trị hợp đồng cho Công ty Q. Công ty Q cũng bắt tay vào

việc chế tạo các phần của Bánh xe công tác. Ngày 23/8/2019, Công ty Q giao sản phẩm đến nhà máy thủy điện S 2, các bên tiến hành nghiệm thu kỹ thuật, lắp đặt sản phẩm vào tổ máy H1 chạy thử nghiệm để kiểm tra nếu sản phẩm đạt kỹ thuật sẽ hoàn tất bàn giao và nghiệm thu. Tuy nhiên, khi lắp đặt sản phẩm của Công ty Q chế tạo vào tổ máy H1 thì sản phẩm không đủ điều kiện đưa vào vận hành. Do đó, Công ty S đề nghị Công ty Q phải chế tạo lại sản phẩm. Công ty Q tháo dỡ và mang sản phẩm về sửa chữa. Tháng 9/2019, Công ty Q đề nghị chạy thử lần 2, kết quả vẫn không đạt yêu cầu. Ngày 18/12/2019, Công ty S nhận thấy thời hạn hợp đồng lúc này đã bị kéo dài tới khoảng 09 tháng và có khả năng tiếp tục kéo dài thêm 03 tháng nữa nên Công ty S đã yêu cầu Công ty Q phải lập kế hoạch chi tiết hoàn thành các nội dung của hợp đồng và gửi lại cho Công ty S trước ngày 30/12/2019. Công ty Q đã cam kết sẽ liên hệ với các đơn vị tư vấn về thiết kế và gia công chế tạo bánh xe công tác để lập lại kế hoạch trình Công ty S trước ngày 31/12/2019. Tuy nhiên, Công ty Q một lần nữa vi phạm cam kết nên ngày 10/01/2020, Công ty S gửi Công văn số 08/CV-ESG (lần 1), ngày 04/02/2020 gửi Công văn số 14/CV-ESG (lần 2) để mời Công ty Q làm việc, bao gồm cả việc thanh lý hợp đồng nhưng cả hai lần Công ty Q đều không đến, cũng không đưa ra giải trình về nguyên nhân chậm trễ và không tiếp tục thực hiện hợp đồng. Ngày 14/02/2020, Công ty S gửi Công văn số 27/CV-ESG (lần 3) quyết định tổ chức cuộc họp để chấm dứt hợp đồng với Công ty Q, đồng thời yêu cầu Công ty Q phải thanh toán các khoản vi phạm, tiền bồi thường và cung cấp ngày bảo lãnh tạm ứng với 60% giá trị hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận trước đó nhưng đến nay Công ty Q vẫn không có bất cứ phản hồi nào. Như vậy, Công ty Q đã vi phạm nghiêm trọng về tiến độ thực hiện hợp đồng quy định tại khoản 2.2 Điều 2 của Hợp đồng với Công ty S, gây nhiều thiệt hại cho Công ty S.

Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố hủy "Hợp đồng thiết kế chế tạo bánh xe công tác số 290119/TĐSG-HĐCT ký ngày 02/3/2019" giữa Công ty S với Công ty Q. Buộc Công ty Q phải hoàn trả số tiền tạm ứng 60% giá trị hợp đồng mà Công ty S đã thanh toán cho Công ty Q là 4.015.000.000 đồng x 60% = 2.409.000.000 đồng. Buộc Công ty Q phải thanh toán số tiền phạt vi phạm theo thỏa thuận là 4.015.000.000 đồng x 8% = 321.200.000 đồng. Tổng số tiền mà Công ty Q phải trả cho Công ty S là 2.730.200.000 đồng.

** Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thiết kế chế tạo Q trình bày:*

- Thứ nhất: Công ty Q không vi phạm hợp đồng, không vi phạm tiến độ công việc, cụ thể: Công ty đã hoàn thành bản vẽ chế tạo và bản vẽ lắp ráp, thực hiện xong giai đoạn gia công chế tạo thân, thực hiện xong vận chuyển và lắp đặt. Hai bên đã tiến hành nghiệm thu và bàn giao (biên bản nghiệm thu ngày 20/5/2019) và được Tổng giám đốc Công ty S ký xác nhận phê duyệt thanh toán. Tháng 9/2019, Công ty S có yêu cầu sửa chữa khắc phục bánh xe công tác H1 thì Công ty Q cũng đã tiến hành tháo dỡ mang về sửa chữa nhưng Công ty S vẫn phàn nàn lý do máy không đạt yêu cầu một cách vô căn cứ để không thanh toán đợt 2 theo thỏa thuận của hợp đồng mà hai bên ký kết. Theo thỏa thuận tại khoản 3.1.2 Điều 3 của Hợp đồng thì Công ty S phải thanh toán 30% tổng giá trị

hợp đồng trong vòng 7 ngày làm việc sau khi Công ty Q thông báo đến Công ty S. Tuy nhiên, Công ty S khi nhận các văn bản đề nghị, thông báo hoàn thành gia công, nghiệm thu, hóa đơn giá trị gia tăng vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đợt 2 mà cố tình nêu lý do không chính đáng để không thanh toán. Dù vậy, Công ty Q vẫn thiện chí thực hiện theo yêu cầu của Công ty S là thực hiện 2 phương án gia công lại, phương án 1 là gia công tại Việt Nam, phương án 2 gia công lắp ráp nguyên khối tại Trung Quốc (theo bản kế hoạch ngày 31/12/2019) đồng thời yêu cầu thanh toán 30% giá trị hợp đồng để thực hiện. Tuy nhiên, Công ty S không đồng ý và đưa ra yêu cầu phi lý là đề nghị Công ty Q làm việc với một số Công ty có kinh nghiệm trên thị trường như: Vaptechy, Flovel, Andriz hoặc Global, trình kế hoạch phù hợp và cam kết đảm bảo chất lượng sản phẩm. Yêu cầu của Công ty S là vượt quá giới hạn vì nó không có trong thỏa thuận hợp đồng mà hai bên đã ký kết.

- Thứ hai: Việc máy móc đã được nghiệm thu nếu có thì được khắc phục bằng sửa chữa và điều chỉnh bởi các chế định bảo hành theo hợp đồng chứ không phải căn cứ để Công ty S không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Đồng thời cũng không phải là căn cứ để Công ty S được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng gây thiệt hại cho Công ty Q. Vì vậy, bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty S.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Khánh Hòa đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Hủy Hợp đồng thiết kế chế tạo bánh xe công tác số 290119/TĐSG-HĐCT ký ngày 02/3/2019 giữa Công ty cổ phần khai thác thủy điện S với Công ty trách nhiệm hữu hạn thiết kế chế tạo Q.

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn thiết kế chế tạo Q trả 2.730.200.000 đồng cho Công ty cổ phần khai thác thủy điện S (trong đó có 2.409.000.000 đồng tiền tạm ứng, 321.200.000 đồng tiền phạt vi phạm hợp đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 15/9/2022, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH thiết kế chế tạo Q có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn cho rằng căn cứ vào hợp đồng Công ty Q đã thiết kế và chế tạo bánh xe công tác đúng chất lượng nên công ty S đã nghiệm thu sản phẩm. Việc nguyên đơn cho rằng bánh xe công tác không đảm bảo chất lượng và lắp đặt không chạy vận hành được là ý kiến của bên nguyên đơn. Do đó, lỗi trong việc không vận hành được thuộc về Công ty S. Vì vậy, Công ty Q kháng cáo là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Nguyên đơn cho rằng căn cứ vào hợp đồng ký kết giữa hai bên thì Công ty Q có nghĩa vụ thiết kế bản vẽ, thi công và lắp ráp đưa vào sử dụng đạt chất lượng nhưng thực tế quá trình thực hiện hợp đồng và thi công sản phẩm lắp ráp

bánh xe công tác chạy không đạt được chất lượng nên không đưa vào sản xuất kinh doanh được và thiệt hại xảy ra. Vì vậy, Công ty S đã phải mua máy của đơn vị khác lắp đặt để sản xuất kinh doanh. Thực tế và Biên bản nghiệm thu đã chứng minh lỗi hoàn toàn thuộc về Công ty Q nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Kiểm sát viên phát biểu:

+ Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Công ty TNHH Cơ Điện Đức Phát và người đại diện là ông Đàm Trường Giang là đơn vị do Công ty Q thuê gia công bánh xe công tác. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không đưa Công ty Cơ Điện Đức Phát vào tham gia tố tụng là thiếu người tham gia tố tụng. Đồng thời, cấp sơ thẩm không thu thập hồ sơ chứng minh năng lực hoạt động của Công ty Q. Ngoài ra, Hội thẩm bà Hà Thị Phương Nga thay đổi thành Hội thẩm Nguyễn Quốc Quang tham gia tố tụng vụ án nêu trên nhưng cấp sơ thẩm không có quyết định thay đổi. Vì vậy, cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. Việc tống đạt Thông báo nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố của bị đơn không thể hiện nên đề nghị cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và đương sự;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 15/09/2022, Tòa án nhân dân huyện V xét xử vụ án. Ngày 23/09/2022, bị đơn kháng cáo bản án nêu trên. Như vậy, Đơn kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

*** Hội đồng xét xử phúc thẩm xét kháng cáo:**

[2] Xét Hợp đồng thiết kế chế tạo bánh xe công tác:

- Theo Hợp đồng thiết kế chế tạo bánh xe công tác số 290119/TĐSG-HĐCT ngày 02/3/2019 cho thấy nội dung Công ty S thuê Công ty Q thiết kế chế tạo bánh xe công tác của tổ máy H1 cho Nhà máy thủy điện S 2. Giá trị hợp đồng để thực hiện nội dung trên là 4.015.000.000đồng. Theo quy định tại Điều 3 của hợp đồng thì Công ty Q đã tạm ứng 60% giá trị hợp đồng, tương ứng số tiền 2.409.000.000đồng. Theo quy định tại Điều 1 của hợp đồng thì Công ty Q phải thực hiện các công việc như sau: Khảo sát, tư vấn thiết kế, phân tích độ bền cơ cấu, gia công chế tạo thân và cánh bánh xe công tác, vận chuyển và lắp đặt.

- Quá trình thực hiện hợp đồng: Công ty S và Công ty Q xác định việc thiết kế và thi công chế tạo bánh xe công tác theo tiến độ theo hợp đồng ký kết. Ngày 20/5/2019, hai bên tiến hành nghiệm thu việc hoàn thành sản phẩm trước khi lắp ráp. Tháng 06/2019, bánh xe công tác được vận chuyển đến nhà máy thủy điện S lắp ráp. Tuy nhiên, sau khi lắp ráp tổ máy được vận hành nghiệm

thu kỹ thuật phát điện thì không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật. Hai bên đã thỏa thuận thống nhất khắc phục lỗi kỹ thuật nêu trên bằng việc Công ty S đồng ý để bên Sông ty Q lắp ráp lại bánh xe công tác tại tổ máy H1. Theo Biên bản nghiệm thu kỹ thuật và chạy thử sau khi thay thế bánh xe công tác tại tổ máy H1 ngày 23/8/2019 cho thấy các thông số kỹ thuật không đạt được tiêu chuẩn kỹ thuật nên tổ công tác nghiệm thu đã kết luận *"Bánh xe công tác tổ máy H1 do Công ty Q thiết kế chế tạo không đủ điều kiện đưa vào vận hành"* trước sự chứng kiến và ký xác nhận của ông Huỳnh Văn Th – Giám đốc của Công ty Q. Như vậy, kết quả Công ty Q lắp đặt chạy nghiệm thu kỹ thuật lần hai vẫn không đạt yêu cầu nên bánh xe công tác không đủ điều kiện để được nghiệm thu đưa vào vận hành. Tại phiên tòa, đại diện của Công ty S đã trình bày và giải thích các thông số kỹ thuật theo Biên bản nghiệm thu kỹ thuật ngày 23/8/2019 chứng minh bánh xe công tác mà Công ty Q chế tạo khi lắp đặt vận hành không đạt các thông số kỹ thuật theo quy định nên dẫn đến bánh xe bị rung lắc khi nâng công xuất và sản phẩm Công ty Q chế tạo hiện nay đang bỏ tại Nhà máy thủy điện S. Hội đồng xét xử thấy rằng, Hợp đồng nêu trên được ký kết vào ngày 02/3/2019 và đến ngày 23/8/2019 (170 ngày) thì bánh xe công tác được thiết kế chế tạo và lắp đặt vẫn chưa đảm bảo về điều kiện kỹ thuật để được nghiệm thu đưa vào sử dụng nên Công ty Q đã vi phạm thời hạn theo quy định tại Điều 2 của hợp đồng (là 107 ngày) và vi phạm nghĩa vụ thực hiện theo quy định tại Điều 1 như đã nêu trên.

- Theo Biên bản làm việc ngày 18/12/2019 được xác nhận của người đại diện ông Trịnh Hữu Thọ của Công ty S và ông Huỳnh Văn Th của Công ty Q thể hiện hai bên tiếp tục thỏa thuận Công ty Q thiết kế lại bánh xe công tác và thời hạn xác định đến ngày 20/12/2019 phải hoàn thành bản thiết kế trình cho chủ đầu tư xem xét trước khi chế tạo. Ngày 31/12/2019, Công ty Q gửi bản kế hoạch đề xuất cho Công ty S với hai phương án: Gia công lắp ráp tại Việt Nam với thời hạn 92 ngày hoặc gia công nguyên khối tại Trung Quốc với thời hạn 142 ngày nhưng công ty S không đồng ý. Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty S xác định đã đề nghị chọn một đơn vị nước ngoài có năng lực và kinh nghiệm để chế tạo bánh xe công tác nhưng Công ty Q không đồng ý. Công ty S đã nhiều lần gửi các Thông báo số 14/CV-ESG ngày 05/02/2020 và số 27/CV-ESG ngày 14/02/2020 về việc tổ chức cuộc họp thỏa thuận việc chấm dứt hợp đồng nêu trên nhưng Công ty Q đã không hợp tác. Như vậy, Công ty Q đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7 của hợp đồng.

Qua phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng Hợp đồng chế tạo bánh xe công tác giữa Công ty S và Công ty Q được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực thực hiện. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng Công ty Q vi phạm nghĩa vụ cơ bản của hợp đồng là vi phạm thời hạn thực hiện hợp đồng, sản phẩm nghiệm thu không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật để hoạt động, không hợp tác để giải quyết hậu quả khi sản phẩm không đảm bảo chất lượng và bánh xe công tác do Công ty Q chế tạo không thể đưa vào chạy phát điện sản xuất kinh doanh, dẫn đến thiệt hại cho Công ty S nên lỗi hoàn toàn thuộc về Công ty Q. Do đó, Công ty S khởi kiện Công ty Q yêu cầu hủy hợp đồng, trả lại tiền và bồi thường thiệt hại là có cơ sở.

[3] Xét việc phạt vi phạm hợp đồng 8%:

Theo phân tích nêu trên cho thấy hợp đồng không tiếp tục thực hiện được và dẫn đến hủy bỏ hợp đồng là lỗi hoàn toàn thuộc về Công ty Q nên nguyên đơn yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng là có cơ sở. Căn cứ Điều 301 Luật Th mại quy định mức phạt vi phạm hợp đồng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. Như vậy, nguyên đơn chuyển cho bị đơn số tiền 2.409.000.000đồng x 8% nên Công ty Q phải chịu phạt vi phạm 192.720.000đồng .

[4] Ý kiến của vị đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng và đề nghị hủy bản án sơ thẩm:

- Cấp sơ thẩm không đưa Công ty Cơ Điện Đức Phát vào tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa cho rằng theo Biên bản nghiệm thu kỹ thuật ngày 23/8/2019 cho thấy Công ty TNHH Cơ Điện Đức Phát là đơn vị thi công và ông Đàm Trường Giang là người đại diện. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Công ty Q xác định Công ty Cơ Điện Đức Phát là đơn vị do Công ty Q thuê gia công. Theo Hợp đồng nêu trên được ký kết giữa Công ty S và Công ty Q cho thấy nội dung quy định không liên quan gì đến Công ty Cơ Điện Đức Phát. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án bên nguyên đơn và bị đơn không tranh chấp gì với Công ty Cơ Điện Đức Phát nên quyền và nghĩa vụ của Công ty Đức Phát không liên quan đến vụ án này. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng ý kiến của vị đại diện viện kiểm sát cho rằng không đưa Công ty TNHH Cơ Điện Đức Phát vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có cơ sở.

- Cấp sơ thẩm không thu thập hồ sơ chứng minh năng lực hoạt động của Công ty Q: Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần khai thác thủy điện S ngày 28/8/2020 và Công ty TNHH thiết kế chế tạo Q ngày 12/4/2018 được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp cho thấy nguyên đơn và bị đơn đủ tư cách hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định pháp luật nên được phép ký kết hợp đồng nêu trên. Trong quá trình sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp được quyền giao kết hợp đồng với nhau, việc Công ty S và Công ty Q được quyền chọn đối tác để ký kết hợp đồng và tự chịu trách nhiệm với việc lựa chọn năng lực của doanh nghiệp đối tác. Đây không phải là sản phẩm và doanh nghiệp mà nhà nước quy định bắt buộc phải thực hiện hồ sơ đấu thầu theo Luật đấu thầu nên hồ sơ năng lực không phải là điều kiện bắt buộc theo quy định pháp luật.

- Không có quyết định thay đổi Hội thẩm bà Hà Thị Phương Nga thành Hội thẩm Nguyễn Quốc Quang tham gia tố tụng vụ án: Theo Bản án số 01/2022/KDTM-ST ngày 15/9/2022 thì các Hội thẩm nhân dân là ông Đỗ Hữu Minh Nghĩa và ông Nguyễn Quốc Quang. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử thì Hội thẩm nhân dân là ông Đỗ Hữu Minh Nghĩa và bà Hà Thị Phương Nga. Tuy nhiên, Quyết định thay đổi hội thẩm nhân dân số 05/2022/QĐ-CA ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện V thì Hội thẩm nhân dân ông Đỗ Hữu Minh Nghĩa thay cho bà Hà Thị Phương Nga. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện V thay đổi hội thẩm nhân dân có sự nhầm lẫn. Tuy nhiên, quá trình xét xử

tại giai đoạn sơ thẩm đã giới thiệu thành phần Hội đồng xét xử và việc thay đổi thành viên hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng nên việc thiếu sót nêu trên không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nhưng cần phải rút kinh nghiệm.

- Không thể hiện Biên bản tống đạt Thông báo nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại giai đoạn phúc thẩm thể hiện bị đơn không tiếp tục yêu cầu phản tố. Theo hồ sơ thể hiện bị đơn đã gửi Đơn yêu cầu phản tố và Tòa án đã ban hành thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có ý kiến gì đối với vấn đề trên nên có cơ sở bị đơn đã nhận được thông báo nhưng từ bỏ việc nộp tiền tiền tạm ứng. Do đó, cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu phản tố là có cơ sở.

Trên cơ sở phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và sửa bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí:

Công ty Q phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 312 và Điều 314 Luật thương mại;

- Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH thiết kế chế tạo Q, sửa bản án sơ thẩm;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần khai thác thủy điện S.

- Hủy Hợp đồng thiết kế chế tạo bánh xe công tác số 290119/TĐSG-HĐCT ký ngày 02/3/2019 giữa Công ty cổ phần khai thác thủy điện S với Công ty trách nhiệm hữu hạn thiết kế chế tạo Q.

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn thiết kế chế tạo Q trả 2.601.720.000 đồng *(hai tỷ sáu trăm lẻ một triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng)* cho Công ty cổ phần khai thác thủy điện S (trong đó: 2.409.000.000 đồng tiền tạm ứng, 192.720.000 đồng tiền phạt vi phạm hợp đồng).

*** Về án phí:**

- Công ty trách nhiệm hữu hạn thiết kế chế tạo Q phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 84.034.000đồng *(Tám mươi bốn triệu không trăm ba mươi bốn nghìn đồng)*.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn thiết kế chế tạo Q phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm số tiền 2.000.000đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)* theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005902 ngày 24/10/2022 và AA/2021/0005897 ngày 27/09/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

- Hoàn trả số tiền 43.302.000 đồng (Bốn mươi ba triệu ba trăm lẻ hai nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm cho Công ty cổ phần khai thác thủy điện S theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004944 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

*** Quy định:**

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND H. V;
- Chi cục THADS H.V;
- Lưu hồ sơ vụ án, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Đình Phương